

Số: 03/BB-UBND

An Hòa Thịnh, ngày 11 tháng 07 năm 2022

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2021

I. Thời gian: ngày 11 tháng 07 năm 2022

II. Địa điểm: Tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 19 thôn.

IV. Nội dung

1. Ông Nguyễn Hữu Đông - Chủ tịch UBND xã thông qua Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

2. Thông báo các nội dung công khai:

Công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2021

3. Hình thức công khai:

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 19 thôn.

- Niêm yết tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh, nhà văn hoá xã và nhà văn hóa thôn.

4. Địa điểm, thời gian niêm yết.

- Niêm yết tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh, nhà văn hoá xã và nhà văn hóa thôn.

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 11/07/2022 đến ngày 21/07/2022

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, 19 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản được thông qua vào 10h05 phút cùng ngày và các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký



Nguyễn Thị Lam

Chủ tịch



Nguyễn Hữu Đông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ AN HÒA THỊNH

Số: 19/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

An Hòa Thịnh, ngày 06 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2021



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 9 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NDD-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/12/2020 của Hội đồng nhân xã về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2021;

Căn cứ số liệu quyết toán ngân sách xã An Hòa Thịnh năm 2021 đã được Kho bạc Nhà nước Hưng Sơn xác nhận;

Xét tờ trình số: 67/TTr-UBND, ngày 02/7/2022 của UBND xã An Hòa Thịnh về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách năm 2021 kèm báo cáo quyết toán năm 2021 và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.: Phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2021 của xã An Hòa Thịnh, với số liệu tổng hợp như sau: /

| | |
|---|----------------------------|
| A- Tổng thu ngân sách xã : | 15.422.397.541 đồng |
| Mười lăm tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín bảy ngàn năm trăm bốn một đồng | |
| I- Các khoản thu xã hưởng 100% : | 94.556.842 , đồng |
| II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % : | 691.712.906, đồng |
| III- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 13.961.296.400 đồng |
| IV – Thu chuyển nguồn năm trước : | 674.831.390., đồng |
| B- Tổng chi ngân sách : | 15.422.397.541 đồng |
| Mười lăm tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín bảy ngàn năm trăm bốn một đồng | |
| I- Chi đầu tư XD CB : | 2.872.969.141, đồng |
| II- Chi thường xuyên: | 12.549.428.400, đồng |

- Có Quyết toán chi tiết kèm theo

Số: 179/QĐ-UBND

An Hòa Thịnh, ngày 11 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai quyết toán ngân sách năm 2021
của xã An Hòa Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN HÒA THỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 7621/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 xã An Hòa Thịnh;

Căn cứ Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 28/12/2020 của Hội đồng nhân dân xã An Hòa Thịnh về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND xã An Hòa Thịnh về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng ban tài chính ngân sách xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2021 của xã An Hòa Thịnh,

(Có bảng quyết toán ngân sách năm 2021 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã An Hòa Thịnh, Ban tài chính tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Đông



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: đồng

| NỘI DUNG THU | QUYẾT TOÁN | NỘI DUNG CHI | QUYẾT TOÁN |
|--|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|
| TỔNG SỐ THU | 15.422.397.541 | TỔNG SỐ CHI | 15.422.397.541 |
| I. Các khoản thu xã, thị trấn hưởng 100% | 94.556.842 | I. Chi đầu tư phát triển | 2.872.969.141 |
| II. Các khoản thu phân chi theo tỉ lệ % | 691.712.906 | II. Chi thường xuyên | 12.549.428.400 |
| III. Thu bổ sung | 13.961.296.400 | III. Chi chuyển nguồn sang năm sau | |
| - Bổ sung cân đối | 10.055.676.400 | IV Chi nộp trả ngân sách cấp trên | |
| - Bổ sung có mục tiêu | 3.905.620.000 | | |
| IV Thu kết dư ngân sách năm trước | | | |
| VI Thu viện trợ | | | |
| IV. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang | 674.831.393 | | |
| Kết dư ngân sách | | | |



UBND XÃ AN HÒA THỊNH

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Quyết toán đã được HĐND xã phê duyệt)

Biểu số 117/CK TC-NSNN

ĐVT: Đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | QUYẾT TOÁN | | SO SÁNH (%) | |
|-----------|---|----------------|----------------|----------------|----------------|-------------|---------|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | TỔNG THU | 13 542 000 000 | 12 672 000 000 | 16 113 231 522 | 15 422 397 541 | 119.0 | 121.7 |
| I | Các khoản thu 100% | 140 000 000 | 140 000 000 | 95 702 907 | 94 556 842 | 68.4 | 67.5 |
| 1 | Phí, lệ phí | 70 000 000 | 70 000 000 | 30 600 000 | 30 600 000 | 43.7 | 43.7 |
| 2 | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | 30 000 000 | 30 000 000 | 16 000 000 | 16 000 000 | 53.3 | 53.3 |
| 3 | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| 4 | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | 20 000 000 | 20 000 000 | 4 102 907 | 2 956 842 | 20.5 | 14.8 |
| 5 | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | | 45 000 000 | 45 000 000 | | |
| 6 | Đóng góp của nhân dân thao quy định | | | | | | |
| 7 | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| 8 | Thu khác | 20 000 000 | 20 000 000 | | | | |
| II | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm(%) | 1 759 000 000 | 889 000 000 | 1 381 400 822 | 691 712 906 | 78.5 | 77.8 |
| 1 | Các khoản thu phân chia | 70 000 000 | 70 000 000 | 40 222 369 | 40 222 369 | 57.5 | 57.5 |
| 2.1.1 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | | | | | | |
| 2.1.2 | Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | | | | | | |
| 2.1.3 | Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | | | 11 750 000 | 11 750 000 | | |
| 2.1.4 | Lệ phí trước bạ nhà, đất | 70 000 000 | 70 000 000 | 28 472 369 | 28 472 369 | 40.7 | 40.7 |
| 2 | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | 1 689 000 000 | 819 000 000 | 1 341 178 453 | 651 490 537 | 79.4 | 79.5 |

| | | | | | | | |
|------------|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------|--------------|
| 2.1 | Thuế GTGT-TNDN | 178 000 000 | 66 000 000 | 141 017 506 | 59 368 752 | 79.2 | 90.0 |
| 2.2 | Thu cấp quyền sử dụng đất | 1 500 000 000 | 750 000 000 | 1 160 367 500 | 580 183 750 | 77.4 | 77.4 |
| 2.3 | Cho thuê mặt đất | 11 000 000 | 3 000 000 | 39 793 447 | 11 938 035 | 361.8 | 397.9 |
| 2.4 | Thu khác | | | | | | |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã(nếu có) | | | | | | |
| IV | Thu chuyên nguồn | | | 674 831 393 | 674 831 393 | | |
| V | Thu kết dư ngân sách năm trước | | | | | | |
| VI | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 11 643 000 000 | 11 643 000 000 | 13 961 296 400 | 13 961 296 400 | 119.9 | 119.9 |
| 6.1 | Thu bổ sung cân đối | 11 643 000 000 | 11 643 000 000 | 10 055 676 400 | 10 055 676 400 | 86.4 | 86.4 |
| 6.2 | Thu bổ sung có mục tiêu | | | 3 905 620 000 | 3 905 620 000 | | |



KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC KHOẢN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

| Nội dung | Kế hoạch | | | Thực hiện | | |
|---|-------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|
| | Thu | Chi | Chênh lệch (+) (-) | Thu | Chi | Chênh lệch (+) (-) |
| TỔNG SỐ | 59.167.500 | 59.167.500 | 0 | 59.086.700 | 56.935.000 | 2.151.700 |
| 1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách | 59.167.500 | 59.167.500 | 0 | 59.086.700 | 56.935.000 | 2.151.700 |
| - Quỹ Bảo trợ trẻ em | 22.295.000 | 22.295.000 | 0 | 20.287.700 | 20.280.000 | 7.700 |
| - Quỹ Đền ơn đáp nghĩa | 11.147.500 | 11.147.500 | 0 | 10.368.000 | 8.950.000 | 1.418.000 |
| - Quỹ Thiên tai | 25.725.000 | 25.725.000 | 0 | 28.431.000 | 27.705.000 | 726.000 |
| 2. Các hoạt động sự nghiệp | | | | | | |
| + Chợ | | | | | | |
| + Bến bãi | | | | | | |